

Tp.HCM, ngày 25 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**
 2. Mã chứng khoán: **BFC**
 3. Địa chỉ trụ sở chính: **C12/21 Quốc lộ 1A, Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh**
 4. Điện thoại: **(84-28) 3756 0110** Fax: **(84-28) 3756 0799**
 5. Website: **www.binhdien.com** Email: **phanbon@binhdien.com.**
 6. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc**
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019.

Nội dung Báo cáo đã được đăng lên website của Công ty vào ngày 25/04/2020 tại đường dẫn: **www.binhdien.com**.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



Năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Năm báo cáo năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân Bón Bình Điền
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/ 01 / 2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 12 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 571.679.930.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 571.679.930.000 đồng
- Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. HCM
- Số điện thoại: 028 37560110
- Số fax: 028 37560799
- Website: phanbon@binhdien.com
- Mã cổ phiếu: BFC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty phân bón Bình Điền là Xí nghiệp phân bón Bình Điền II trực thuộc Công ty phân bón Miền Nam. Tuy là Xí nghiệp hạch toán báo sổ nhưng từ năm 1991 đã tự xây dựng thương hiệu cho riêng mình - Thương hiệu “ĐẦU TRÂU”.
- Với phương châm lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, lấy trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân làm nội dung cơ bản cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Xí nghiệp với sự chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao độ đã phát triển nhanh chóng và tự khẳng định mình trên thị trường. Thương hiệu ĐẦU TRÂU trở thành gắn gũi với các đại lý bạn hàng và bà con nông dân Việt Nam.
- Với sự lớn mạnh đó, năm 2003, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã có Quyết định số 73/2003/QĐ-BCN về việc chuyển Xí nghiệp phân bón Bình Điền II trực thuộc Công ty phân bón Miền Nam thành Công ty phân bón Bình Điền, là thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam) cho đến nay.



- Sau khi tách ra, tốc độ phát triển của Công ty ngày càng nhanh, từ một đơn vị gần như không có vị trí nào trong các Công ty thành viên của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, sau khi tách ra, Công ty lần lượt vào top 10, sau đó top 5 và năm 2007 Công ty đã đứng đầu về doanh số trong các Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam và năm 2012 Công ty được xếp thứ 117 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Vượt qua bao khó khăn trong quá trình hình thành và phát triển, tập thể CBCNV Công ty Phân bón Bình Điền đã nỗ lực phấn đấu không ngừng, phát huy tính năng động sáng tạo, có định hướng chiến lược và bước đi phù hợp, đã tạo lập được nền móng vững chắc cho tiến trình hội nhập và phát triển của Công ty. Hiện nay sản phẩm phân bón thương hiệu Đầu Trâu của công ty đã có mặt trên toàn quốc và xuất khẩu sang một số nước trong khu vực.
- Đến tháng 6 năm 2008 Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam quyết định cổ phần hóa Công ty Phân Bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 06 tháng 06 năm 2008. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn thực hiện các Công việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa cho Công ty. Đến tháng 7 năm 2010 Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam có Quyết định số 329/QĐ-HCVN ngày 29 tháng 7 năm 2010 phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Phân Bón Bình Điền với vốn điều lệ là 397.000.000.000 đồng.
- Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2011, sau khi thực hiện tổ chức bán đấu giá thành công 7.371.300 cổ phần ra bên ngoài cho các nhà đầu tư.
- Ngày 17 tháng 6 năm 2014 Công ty đã được nhận được Giấy chứng nhận phát hành số 47/GCN-UNCK của UBCKNN để tăng vốn từ 397.000.000.000 đồng lên 476.400.000.000 đồng.
- Ngày 27/08/2015 Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM đã ban hành Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM chấp thuận đăng ký niêm yết của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền. Ngày 7/10/2015 cổ phiếu Công ty cổ phần phân bón Bình Điền đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
- Ngày 17 tháng 8 năm 2016 Công ty đã được nhận được thông báo nhận đủ hồ sơ phát hành số 5505/UBCK-QLCB của UBCKNN để tăng vốn từ 476.400.000.000 đồng lên 571.679.930.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn và toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 571.679.930.000 đồng.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm phân bón (Không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp)
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, các thiết bị và công nghệ sản xuất phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản.
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị.

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát bao gồm 3 (ba) thành viên, là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.



- **Ban Tổng Giám Đốc:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc, 2 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các phó Tổng giám đốc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, tư vấn góp ý cho Tổng giám đốc đưa ra các quyết định chiến lược cho Công ty.

- **Phòng Tổng hợp:** Phòng Tổng hợp chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Tổng hợp, có chức năng tham mưu, giúp việc và tổ chức quản lý để đảm bảo sự chỉ đạo điều hành thông suốt của Ban Tổng Giám đốc về các mặt: tổ chức bộ máy quản lý và đào tạo cán bộ; quản lý lao động tiền lương, thi đua khen thưởng; công tác tổng hợp - thống kê; quản lý hành chính và quản trị; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác thông tin tổng hợp của công ty.

- **Phòng kinh doanh:** Phòng Kinh doanh chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh và Marketing, có chức năng tham mưu các cơ chế, chính sách, kế hoạch kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể. Phối hợp với các phòng chức năng khác triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh đã được Tổng Giám đốc công ty phê duyệt.

- **Phòng Marketing:** Bộ phận Marketing chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và Marketing, có chức năng tham mưu các chiến lược, cơ chế, chính sách phát triển sản phẩm và thị trường của Công ty. Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty triển khai các chính sách, kế hoạch phát triển thị trường tiêu thụ của Công ty đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt; thực hiện các chương trình phục vụ cho bà con nông dân.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Phòng Tài chính - Kế toán chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc Công ty, có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty các cơ chế, chính sách quản lý tài chính của công ty; thực hiện công tác thống kê kế toán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, kiểm soát các khoản thu chi theo quy định; theo dõi và báo cáo kịp thời cho Tổng Giám đốc các biến động về tài chính của công ty.

- **Phòng Vật tư Xuất nhập khẩu:** Phòng Vật tư xuất nhập khẩu chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ cung ứng vật tư, nguyên liệu... bảo đảm cho công tác sản xuất được thông suốt theo kế hoạch đã đặt ra; thực hiện các thủ tục xuất, nhập khẩu nguyên liệu, sản phẩm hàng hoá; kiểm tra, giám sát việc nhập, xuất nguyên liệu, vật tư, thành phẩm và hàng hoá tồn kho của công ty theo đúng quy định hiện hành.



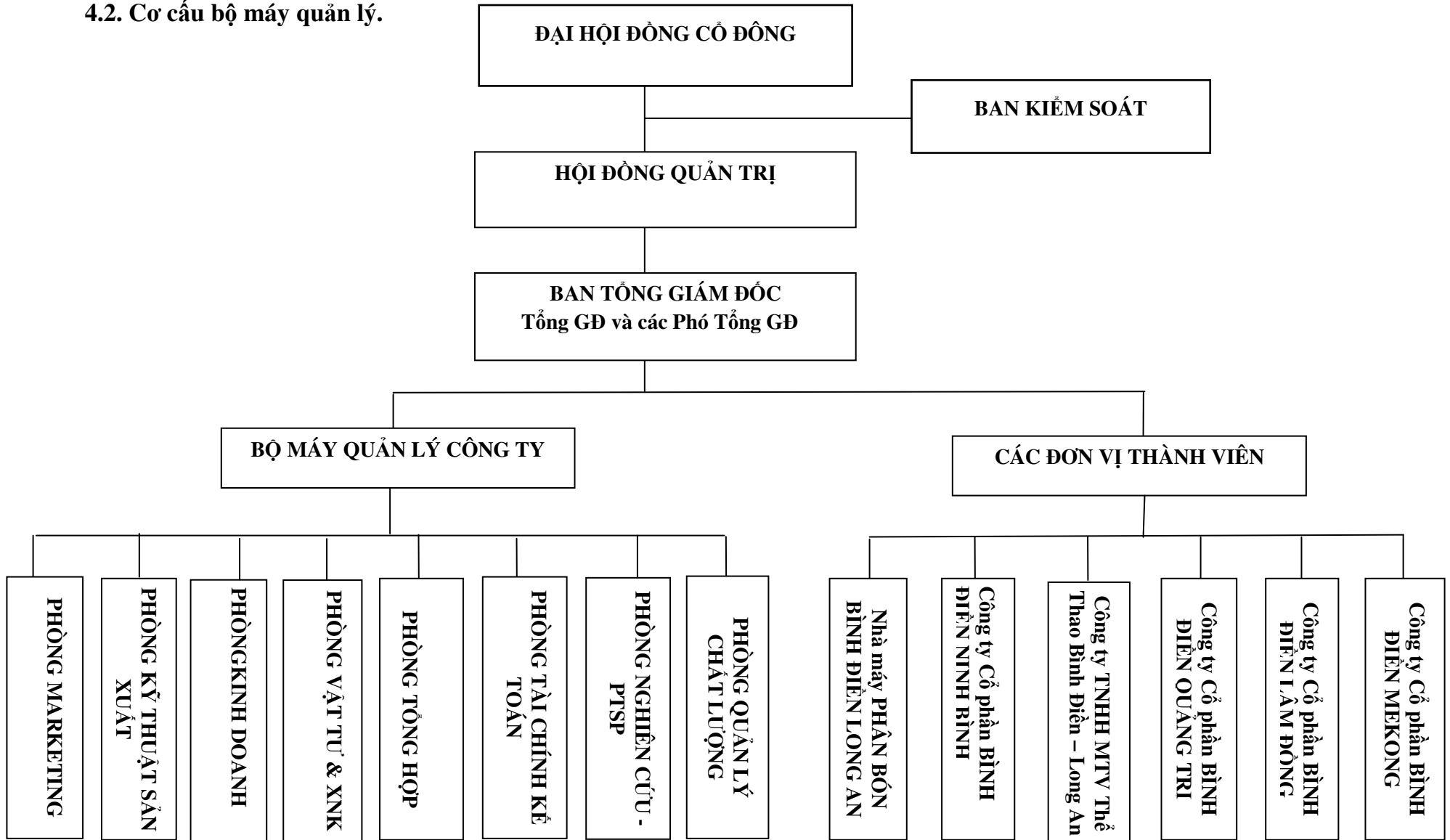
- **Phòng Kỹ thuật sản xuất:** Phòng Kỹ thuật sản xuất chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật sản xuất, có nhiệm vụ thực hiện công tác khoa học kỹ thuật, nghiên cứu và ứng dụng vào công tác sản xuất; kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động; đề xuất các định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm; thực hiện công tác sửa chữa, đầu tư xây dựng cơ bản; nghiên cứu, cải tiến và hoàn thiện công nghệ sản xuất của công ty.

- **Phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm:** Phòng Nghiên cứu phát triển thực hiện các thí nghiệm để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới, giúp công ty cũng như người tiêu dùng sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học trong lĩnh vực có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Phòng Quản lý chất lượng:** Phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần phân bón Bình Điền trực thuộc Ban Tổng giám đốc Công ty, có chức năng giúp Ban Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.





5. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty Cổ Phần Bình Điền Lâm Đồng:

- ✓ Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng
- ✓ ĐT: (0263) 3840 416 - Fax: (0263) 3840 304
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 88.529.760.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%

b. Công ty Cổ Phần Bình Điền Quảng Trị:

- ✓ ĐC: Lô 22, Khu Công nghiệp Quán Ngan, xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- ✓ ĐT: (0233) 581378 - Fax: (0233) 581368
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 39.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

c. Công ty Cổ Phần Bình Điền MeKong:

- ✓ ĐC: Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- ✓ ĐT: (028) 7561191 - Fax: (028) 7561798
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 39.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

d. Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An:

- ✓ ĐC: Khu CN Long Định - Long Cang - Xã Long Định - Huyện Cần Đước - Tỉnh Long An
- ✓ ĐT: (0272) 725566 - Fax: (0272) 725544
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Quảng Cáo và Thể Thao
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 100%.

e. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình:

- ✓ ĐC: Khu công nghiệp Khánh Phú, Khánh Phú, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình



- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

6. Định hướng phát triển

Công ty luôn đề ra những nhiệm vụ cụ thể về các lợi ích cho nông dân như lợi nhuận từ nông sản, kiến thức khoa học cho bà con nông dân. Trên tinh thần đó, Công ty đã tìm mọi cách đưa các kiến thức về kỹ thuật nông nghiệp: đất, phân, sinh lý cây trồng tới bà con nông dân. Sau khi nông dân nắm được phần nào kiến thức, họ sẽ có những lựa chọn hợp lý, hiệu quả hơn trong việc sử dụng các loại phân bón. Công ty đã kết hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu khoa học, làm cầu nối giữa khoa học, trí thức với nông nghiệp, nông dân. Và trở thành một chất keo kết dính khối liên minh Công – Nông – Thương – Trí.

7. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Để tăng chu kỳ sống của sản phẩm, các sản phẩm của Công ty phải ngày càng được bổ sung về hàm lượng kỹ thuật, chất lượng của sản phẩm ngày một cải thiện toàn diện, để người nông dân ngày càng có hiệu quả hơn khi sử dụng các sản phẩm của Công ty. Các loại phân bón chuyên dùng, các biện pháp ức chế quá trình tan của phân bón, việc đưa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng thích hợp vào phân bón chính là sự nâng cao về hàm lượng kỹ thuật cho các sản phẩm phân bón. Và đây cũng là những tiền đề trong mục tiêu: Bón phân cân đối vì một nền nông nghiệp bền vững và sạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền phấn đấu tập trung các nguồn lực, để trở thành nhà sản xuất phân bón NPK phát triển mạnh và ổn định, không chỉ ở Việt Nam mà còn có đối với khu vực ASEAN.

8. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Công ty luôn chú trọng đến sự phát triển bền vững trong tương lai. Vì vậy với năng lực sản xuất và đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm trong nhiều năm qua Công ty không ngừng mở rộng sản xuất, tăng cường đầu tư và nâng cấp các dây chuyền sản xuất. Chiến lược trong tương lai thương hiệu Đầu Trâu sẽ chiếm thị phần lớn trong cả nước và tăng sản lượng xuất khẩu sang các nước ASEAN.

9. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

a. Các hoạt động liên quan đến cộng đồng:

Trong năm 2019 Công ty duy trì thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ người nghèo như: tặng quà ủng hộ nhân ngày tết truyền thống cho khoảng 100 hộ gần khu vực nhà máy, tặng tôn sinh thái cho Hội chữ Thập đỏ xã tại nhà máy nhằm ủng hộ bà con nghèo.



Bên cạnh đó hằng năm, Công ty thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ nông dân, hỗ trợ bà con bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ giáo dục và chính quyền địa phương như xây dựng trường học, đóng góp quỹ học bổng học sinh, trẻ em nghèo và khuyết tật, hỗ trợ phong trào đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các buôn kết nghĩa (đồng bào dân tộc) trong phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội, phụng dưỡng suốt đời nhiều mẹ Việt Nam anh hùng...

b. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Công ty luôn xác định hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của Công ty. Với định hướng quản lý toàn bộ sản phẩm từ hoạt động thiết kế, sản xuất, phân phối cho đến sử dụng luôn theo hướng bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và cộng đồng.

Trong năm 2019 Công ty đã đầu tư kinh phí cho việc bảo vệ môi trường và an toàn sức khỏe người lao động gần 10 tỷ và định hướng các năm sau sẽ tiếp tục duy trì hoạt động này. Nguồn kinh phí chủ yếu tập trung vào việc vận hành hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải bằng các công nghệ tiên tiến và đạt tiêu chuẩn. Các đơn vị thực hiện việc thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại cho Công ty được lựa chọn là những đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực hiện nay. Định kỳ Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát môi trường. Bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ tiên tiến là Ure hóa lỏng cũng làm giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, ứng dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường hơn.

Cam kết lãnh đạo Công ty với tinh thần và trách nhiệm cao:

- Cung cấp đầy đủ nguồn lực xây dựng và phát triển hệ thống quản lý môi trường trong toàn công ty. Quản lý sản phẩm hóa chất bảo đảm tuân thủ yêu cầu Luật pháp Bảo hộ lao động, Hóa chất và bảo vệ môi trường.
- Hoạt động hóa chất luôn được chú trọng cải tiến theo định hướng đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nguyên liệu an toàn và giảm thiểu phát thải.
- Tạo mọi điều kiện để người lao động tham gia hoạt động hóa chất được đào tạo, cập nhật kiến thức kỹ thuật an toàn và đúng quy định pháp luật.
- Phổ biến chính sách môi trường của công ty đến mọi nhân viên, khách hàng, đối tác và các bên có quan tâm.



c. Ứng dụng sản phẩm công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

Trong những năm gần đây, công ty phân bón Bình Điền đã tiên phong trong việc nghiên cứu áp dụng công nghệ xanh để sản xuất ra các sản phẩm phân bón vừa nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vừa chông thất thoát để giảm chi phí và giảm thiểu tác động xấu tới môi trường. Những sản phẩm phân bón Urea hạt vàng Đầu Trâu 46A+, NPK Đầu trâu +Agrotain là kết quả của sự hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng giữa Bình Điền và các nhà khoa học Mỹ đã giải quyết được bài toán tưởng chừng rất khó này. Các kết quả khảo nghiệm tại Cần Thơ, Sóc Trăng, Tiền Giang, Lâm Đồng, TP.HCM...được thực hiện bởi viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long đối với lúa, rau, đậu....đã cho thấy phân đạm được xử lý Agrotain (Đầu Trâu hạt vàng 46A+) và NPK Đầu Trâu + Agrotain đã giúp tiết kiệm được phân đạm tới 30%, vừa tăng năng suất, chất lượng lại chông thất thoát, bảo vệ môi trường. Đối với dòng sản phẩm NPK Đầu Trâu + Agrotain còn được bổ sung thêm các chất trung, vi lượng theo nhu cầu của cây và các hoạt chất gia tăng hiệu quả sử dụng nên hiệu quả còn vượt hơn mong đợi. Bao bì của các sản phẩm này cũng đã được cải tiến cả về chất liệu và kích cỡ để đảm bảo nông dân có thể tận dụng lại để chứa nông sản mà không trở thành rác thải gây ô nhiễm môi trường.

d. Định hướng phát triển bảo vệ môi trường trong năm 2020

Thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, an toàn, phòng chống cháy nổ định kỳ theo chính sách môi trường của Công ty với kế hoạch 6 tỉ năm 2020. Tăng cường xây dựng các chương trình truyền thông về môi trường trong nội bộ và bên ngoài.

Hướng nền sản xuất phân bón bền vững, Công ty duy trì và đánh giá theo chuẩn mực của Hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty được xây dựng và duy trì đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả theo hướng tích hợp an toàn sức khỏe môi trường các tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và ISO 9001: 2015.

Xây dựng các quy trình, quy chuẩn, các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất và thực hành cho phù hợp với yêu cầu pháp luật, điều kiện của công ty. Tham gia đầy đủ các hội thảo VRCC (Hội đồng trách nhiệm xã hội các doanh nghiệp hóa chất Việt Nam) và thực hiện các nguyên tắc tiêu chuẩn theo RC thế giới qui định như báo cáo, kiểm tra định kỳ.

Bảo vệ môi trường bằng nguyên tắc đạo đức và dựa trên các vấn đề được xã hội phản ánh: Tự nguyện làm hơn Luật yêu cầu, làm những điều phải, có đạo đức, Quản lý toàn bộ vòng đời sản phẩm, Chủ động quan tâm đến công chúng, tiếp cận đề phòng rủi ro bằng cam kết cao nhất của cấp lãnh đạo.



10. Các rủi ro:

a. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK nhỏ lẻ ở các tỉnh với công nghệ sản xuất đơn giản đã tung ra các mặt hàng phân bón giá rẻ, kém chất lượng. Sản phẩm phân bón nhập khẩu ngày càng nhiều nên cạnh tranh giữa các thương hiệu ngày càng cao. Tuy nhiên với thương hiệu Đầu trâu có uy tín trong nhiều năm qua, Công ty vẫn giữ vững thị trường hiện có và mở rộng thị phần ra các vùng miền trong cả nước.

b. Rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào dồi dào từ các nhà máy Đạm trong nước đã cung cấp đầy đủ nguồn nguyên liệu cho các Công ty phân bón trong nước nói chung và Công ty nói riêng. Trong những tháng đầu năm 2019 tỷ lệ lãi gộp của Công ty không cao do ảnh hưởng từ tồn kho nguyên liệu giá cao từ năm trước. Tuy nhiên Công ty cũng áp dụng nhiều chính sách bán hàng để duy trì thị phần cũng như sản lượng phân bón của Công ty trên thị trường. Qua năm 2019 Công ty cũng thận trọng trong việc dự trữ hợp lý và ký kết các hợp đồng mua nguyên liệu đầu vào nhằm giảm tối đa sự ảnh hưởng của sự biến động giá tác động không tốt đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

c. Rủi ro đặc thù của ngành phân bón

Phân bón là ngành phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sản phẩm của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhu cầu đối với nông sản và điều kiện tự nhiên như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh, mất mùa... Ngoài ra, chính sách phát triển ngành phân bón hóa chất trong nước và chính sách xuất nhập khẩu phân bón của các nước cung cấp phân bón chính trên thế giới đều ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp.

Theo dự báo sắp tới nguồn cung phân bón sẽ tiếp tục tăng từ việc các nhà máy sản xuất phân bón trên toàn quốc đưa vào sản xuất, do đó Công ty sẽ chịu nhiều sự cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp này.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019
Doanh thu thuần	6.132.432
Lợi nhuận trước thuế	136.679
Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	74.003

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019***b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm 2019		
			Giá trị	% tăng, giảm so với năm 2018	% tăng, giảm so với kế hoạch
Doanh thu	6.500.450	6.280.000	6.228.490	-4,18%	-0,82%
Lợi nhuận trước thuế	312.442	290.000	136.679	-56,25%	-52,87%
Tỷ lệ cổ tức (%)	25%	20%	12%	-52,00%	-40,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2019

Trong năm 2019, thị trường phân bón tiếp tục có những khó khăn, cạnh tranh giữa các nhà sản xuất phân bón ngày càng gay gắt, bên cạnh đó thời tiết không thuận lợi tại các tỉnh miền trung, tây nguyên cũng như các tỉnh Miền tây nên làm cho hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng khó hơn. Để duy trì được sản lượng bán ra cao, Công ty đã linh hoạt và sử dụng nhiều chính sách bán hàng để hỗ trợ cho các đại lý và người nông dân.

Lợi nhuận năm 2019 của Công ty giảm 56,25% so với cùng kỳ phân lớn do ảnh hưởng nhiều từ yếu tố nguyên liệu đầu vào đã làm cho tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm so với thực tế năm 2018.



Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 là 12%.

c. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số cổ phần sở hữu đến 31/12/2018
01	Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	1967	Không
02	Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1963	2.592 cp
03	Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	1969	2.448 cp
04	Trần Tấn Sơn	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1962	6.192 cp

Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty đến 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ	450	100,0%
	Đại học và trên đại học	105	23,34%
	Cao đẳng	18	4,00%
	Trung cấp và sơ cấp	191	42,44%
	Lao động phổ thông	136	30,22%
2	Phân theo thời hạn hợp đồng	450	100,0%
	Lao động không xác định thời hạn	406	90,22%
	Lao động có thời hạn từ 1-3 năm	19	4,22%
	Lao động có thời hạn 1 năm	25	5,56%

Đối với đội ngũ CBCNV, lãnh đạo công ty luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị, máy móc, tạo dựng môi trường làm việc trong lành, thân thiện, khuyến khích tinh thần học hỏi, cầu tiến và sẻ chia kinh nghiệm... giúp người lao động làm việc có hiệu quả và nâng cao thu nhập.



Bên cạnh các chính sách về lương, thưởng hợp lý, các chính sách về đào tạo, bảo hiểm, phúc lợi cao, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cùng các cấp chính quyền còn thường xuyên phát động các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ... nhằm góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV, nâng cao năng suất lao động và tinh thần thi đua sáng tạo, góp phần vào thành công của Công ty.

d. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm 2019 Công ty không phát sinh đầu tư các dự án lớn.

e. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.717.501	3.337.528	-10,2%
Doanh thu thuần	6.381.889	6.132.432	-3,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	292.502	117.772	-59,7%
Lợi nhuận khác	19.910	18.907	-5,1%
Lợi nhuận trước thuế	312.412	136.679	-56,2%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	193.314	74.003	-61,7%
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	12%	-52,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2019

Công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 là 12%.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	77,51	74,47
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	22,49	25,53
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	68,02	65,44
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	31,98	34,56
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,22
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,56
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,14	0,19
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	13,16	12,00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,97	1,62
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	171,67	173,85
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	6,81	2,81
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	21,31	8,48
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	1,69	1,74
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	12,86	10,07
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,19	3,78
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	11,81	12,63



f. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông đến ngày 18/12/2019

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	1.464	49.572.535	495.725.350.000	86,71%
1.1	Tổ chức	33	39.931.873	399.318.730.000	69,85%
1.2	Cá nhân	1.431	9.640.662	96.406.620.000	16,86%
2	Cổ đông nước ngoài	31	7.595.458	75.954.580.000	13,29%
2.1	Tổ chức	17	7.586.894	75.868.940.000	13,28%
2.2	Cá nhân	14	8.564	85.640.000	0,01%
	Tổng cộng	1.495	57.167.993	571.679.930.000	100,00%

III. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

1.1. Nhân sự Hội đồng quản trị năm 2019:

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Bình Điền gồm 05 thành viên sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Ngô Văn Đông, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.
3. Ông Lê Quốc Phong, thành viên HĐQT.
4. Ông Đỗ Quang Huy, thành viên HĐQT.
5. Ông Phan Văn Tâm, thành viên HĐQT.

1.2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành:

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật để thông qua các vấn đề quan trọng của Công ty, cụ thể:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	22/01/2019	- Thông qua kết quả SXKD quý IV/2018 và cả năm 2018 - Kế hoạch SXKD quý I/2019
2	03A/NQ-HĐQT	22/01/2019	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn của Công ty năm 2019
3	03B/NQ-HĐQT	22/01/2019	- Thông qua thang bảng lương C/ty - Thông qua Quy chế quản lý hoạt động tiêu thụ nội địa - Thông qua bảng định mức nguyên nhiên phụ liệu
4	04/QĐ-HĐQT	22/01/2019	Ban hành định mức nguyên nhiên phụ liệu
5	05/QĐ-HĐQT	22/01/2019	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các DN có liên quan
6	05/QĐ-HĐQT	22/01/2019	Ban hành Quy chế quản lý hoạt động tiêu thụ nội địa
7	05A/QĐ-HĐQT	22/01/2019	Ban hành thang bảng lương doanh nghiệp
8	10/NQ-HĐQT	13/02/2019	Triển khai quy trình bổ nhiệm lại Phó TGD C/ty
9	11/QĐ-HĐQT	13/02/2019	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Phó TGD cty
10	13/NQ-HĐQT	28/02/2019	Chốt danh sách cổ đông hưởng quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
11	15/QĐ-HĐQT	15/3/2019	Miễn nhiệm người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác
12	16/NQ-HĐQT	26/3/2019	- Thông qua chủ trương chuyển vị trí làm việc của khối văn phòng về nhà máy Long An - Thông qua các quy chế : + Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN có vốn đầu tư của Công ty + Quy chế quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm và thương hiệu (sửa đổi, bổ sung)
13	17/NQ-HĐQT	26/3/2019	Thông qua chi phí hoạt động kinh doanh và Marketing năm 2019
14	18/NQ-HĐQT	26/3/2019	- Thông qua các nội dung chủ yếu trình ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của các công ty



Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
			con
15	19/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Ban hành Quy chế quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm và thương hiệu (sửa đổi, bổ sung)
16	19A/NQ-HĐQT	28/3/2019	Phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021
17	20/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN có vốn đầu tư của Công ty CP phân bón Bình Điền
18	25/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Cử lại và ủy quyền người đại diện phần vốn của C/ty tại C/ty CP Bình Điền – Lâm Đồng
19	28/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Đưa ra khỏi Danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, giai đoạn 2016-2021
20	31/NQ-HĐQT	11/4/2019	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo kết quả ước thực hiện kế hoạch SXKD quý I năm 2019- Thông qua kế hoạch SXKD quý II năm 2019 các chỉ tiêu chính- Thống nhất bổ nhiệm lại ông Nguyễn Minh Sơn giữ chức vụ Phó TGD Công ty- Thống nhất phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2018- Thống nhất các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019- Thông qua thành phần Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ năm 2019
21	32/NQ-HĐQT	11/4/2019	Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty
22	42/NQ-HĐQT	10/5/2019	Thông qua việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty CP Bình Điền Mekong và thành lập phòng Quản lý chất lượng của Công ty
23	43/NQ-HĐQT	21/05/2019	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2018
24	43A/QĐ-HĐQT	10/5/2019	Thành lập phòng Quản lý chất lượng
25	44/NQ-HĐQT	03/6/2019	Nâng bậc lương cho Người quản lý Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
26	45/NQ-HĐQT	28/6/2019	Tạm dừng thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Du lịch Sài Gòn Đông Hà; Chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019.
27	45/QĐ-HĐQT	28/6/2019	Tạm dừng thoái vốn Công ty CP Du Lịch Sài Gòn Đông Hà; Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
28	48/NQ-HĐQT	02/8/2019	Thông qua kết quả kinh doanh Quý 2 và kế hoạch kinh doanh Quý 3 năm 2019)
29	49/NQ-HĐQT	02/8/2019	- Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại KTT Công ty cp Bình Điền Ninh Bình - Thông qua quy chế mua sắm thường xuyên - Thông qua quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm các chức danh, chức vụ của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền - Chính sửa Quy chế quản lý hoạt động tiêu thụ nội địa của Công ty.
30	51/QĐ-HĐQT	19/8/2019	Quyết định Ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm các chức danh, chức vụ của Công ty cp phân bón Bình Điền
31	52/QĐ-HĐQT	27/8/2019	Quyết định Ban hành quy chế quản lý mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền
32	53/QĐ_HĐQT	27/8/2019	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động tiêu thụ nội địa
33	58/NQ-HĐQT	31/10/2019	Thông qua kết quả kinh doanh Quý 3 và kế hoạch Quý 4 năm 2019
34	59/NQ-HĐQT	31/10/2019	Thông qua chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Kế Toán Trưởng Công ty
35	60/NQ-HĐQT	31/10/2019	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại PGĐ Bình Điền Ninh Bình.
36	61/NQ-HĐQT	31/10/2019	Thông qua việc chỉ đạo Người đại diện vốn tại



Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
			Công ty cp Bình Điền Mekong và Công ty cp Bình Điền Ninh Bình
37	62/NQ-HĐQT	31/10/2019	- Thông qua hạn mức tồn kho tối đa; - Thông qua danh sách hội đồng giá mua.
38	65/QĐ-HĐQT	31/10/2019	Quyết định thông qua danh sách Hội đồng giá mua.
39	66/QĐ-HĐQT	31/10/2019	Quyết định hạn mức tồn kho tối đa
40	67/NQ-HĐQT	27/11/2019	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng tạm ứng cổ tức đợt 1/ 2019
41	70/NQ-HĐQT	23/12/2019	- Chỉ đạo Người đại diện vốn tại các Công ty con về tăng cường công tác quản trị nội bộ - Thông qua cơ cấu chi phí hoạt động Kinh doanh và Marketing.
42	71/NQ-HĐQT	23/12/2019	Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng
43	72/QĐ-HĐQT	23/12/2019	Bổ nhiệm lại kế toán trưởng
44	73/NQ-HĐQT	23/12/2019	Chỉ đạo người đại diện vốn tại công ty con về tăng cường công tác kiểm soát tài chính

1.3. Kết quả công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị:

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty, thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong đó có Công ty gặp nhiều khó khăn thách thức. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh đúng đắn, đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn, qua đó đã đạt được một số chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua (số liệu cụ thể được thể hiện trong báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019).



b) Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng:

Năm 2019, không có dự án đầu tư xây dựng mới được Hội đồng quản trị phê duyệt.

c) Trong lĩnh vực quản trị nội bộ, tổ chức cán bộ, bộ máy quản lý, chính sách tiền lương:

- Về công tác quản trị nội bộ: Các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của Công ty, cụ thể Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định sau đây:

- + Quy chế quản lý hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa.
- + Quy chế quản lý hoạt động mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh (sửa đổi, bổ sung).
- + Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm các chức danh, chức vụ của Công ty.
- + Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.
- + Quy chế quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm và thương hiệu (sửa đổi, bổ sung).
- + Ban hành Định mức tồn kho tối đa của các loại nguyên vật liệu chính; định mức nguyên nhiên liệu phụ vv...

- Về công tác tổ chức cán bộ: năm 2019 Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung sau đây:

+ Miễn nhiệm Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Bình Điền - Quảng Trị và Công ty cổ phần Bình Điền - Ninh Bình do yêu cầu công tác cán bộ của Công ty Mẹ.

+ Cử lại và ủy quyền Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng.

+ Quyết định bổ nhiệm lại ông Nguyễn Minh Sơn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.

+ Bổ nhiệm lại ông Trần Tấn Sơn giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

+ Rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021.



- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị đã quyết định thành lập phòng Quản lý chất lượng nhằm nâng cao công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm của Công ty.

- Về chính sách tiền lương: rà soát, sửa đổi, bổ sung thang bảng lương Công ty làm cơ sở cho việc chi trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động phù hợp hơn với điều kiện hoạt động của Công ty

d) Trong lĩnh vực tài chính:

- Năm 2019, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục lành mạnh, ổn định, các khoản công nợ phải thu, phải trả được kiểm soát chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu; tổng hạn mức vốn vay của Công ty không vượt quá hạn mức cho phép, việc thanh toán các khoản vay đều được thực hiện đúng thời gian theo quy định, qua đó đã tiết giảm được chi phí lãi vay.

- Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng cả năm được Hội đồng quản trị soát xét cẩn trọng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin hoặc trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

đ) Trong lĩnh vực quản lý phân vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:

- Năm 2019, Hội đồng quản trị đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát tài chính tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế giám sát tài chính và Quy chế quản lý người đại diện do Hội đồng quản trị ban. Thông qua báo cáo giám sát của đoàn kiểm tra giám sát trực tiếp và báo cáo của người đại diện, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của các Công ty thành viên, qua đó kịp thời chỉ đạo cho người đại diện hướng các Công ty thành viên đi theo định hướng mà Công ty đã đề ra, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn của Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế kiểm tra chất lượng sản phẩm và sử dụng Thương hiệu để áp dụng chung cho hệ thống Công ty mẹ - Công ty con sử dụng Thương hiệu “Phân bón Đầu Trâu”. Trên cơ sở thực hiện Quy chế và thông qua hoạt động của Ban kiểm tra chất lượng sản phẩm và Thương hiệu đã hỗ trợ tích cực cho các Công ty thành viên trong lĩnh vực kiểm soát chất lượng sản phẩm và phát triển Thương hiệu, vì vậy trong năm 2019 chất lượng sản phẩm của hệ thống Công ty mẹ - Công ty con được đảm bảo, uy tín Thương hiệu tiếp tục được giữ vững.

- Đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Khách sạn Sài Gòn - Đông Hà, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm dừng thực hiện thoái vốn do các văn bản quy phạm pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể nên khi thực hiện bị vướng về thủ tục.

- Năm 2019, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.



e) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2019:

- Quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.
- Quyết định chi tạm ứng cổ tức từ hoạt động kinh doanh năm 2019 là 5% bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.

1.4. Kết quả công tác giám sát của Hội đồng quản trị:

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, triển khai đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Tổng giám đốc. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị năm 2019 cụ thể như sau:

a) Đối với Ban Tổng giám đốc:

Năm 2019, công tác điều hành của Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, đạt được một số chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.
- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.
- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
- Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.



b) Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Tổng giám đốc triển khai đều được các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

c) Đối với người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác:

- Người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Quy chế quản lý người đại diện của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Với vai trò lãnh đạo các Công ty con, người đại diện phần vốn đã lãnh đạo Công ty con đi đúng định hướng mà Công ty mẹ đã đề ra, góp phần vào kết quả chung của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền năm 2019.

1.5. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT:

Năm 2019, hầu hết thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến bằng văn bản và cùng thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong từng lĩnh vực, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Thiệu: đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

+ Tổ chức thông qua các văn kiện đại hội, chủ trì và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

+ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động, tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị, lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tổ chức thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

+ Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị trên các mặt hoạt động của Công ty.

+ Tổ chức rà soát các quy chế, quy định của Công ty; tổ chức triển khai công tác cán bộ đảm bảo chất lượng.



+ Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ông Ngô Văn Đông:

+ Với cương vị thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, năm 2019 ông Ngô Văn Đông đã trực tiếp chỉ đạo việc hoạch định các chính sách phát triển, cơ chế chính sách kinh doanh, chính sách sản phẩm, kiểm soát tài chính, chính sách tiền lương, công tác đầu tư có hiệu quả; tổ chức triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, quản lý, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị trên các mặt hoạt động; cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai công tác cán bộ và hoàn thành các nhiệm vụ khác.

+ Với cương vị người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác: ông Ngô Văn Đông đã lãnh đạo các Công ty cổ phần: Bình Điền - Lâm Đồng, Bình Điền - Quảng Trị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

- Ông Lê Quốc Phong, thành viên Hội đồng quản trị: đã tích cực tham gia vào công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị; có nhiều ý kiến đóng góp để cùng Hội đồng quản trị thông qua nhiều vấn đề quan trọng, góp phần vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2019.

- Ông Phan Văn Tâm, thành viên Hội đồng quản trị: phối hợp với Tổng giám đốc đề ra các cơ chế, chính sách, các giải pháp phát triển thị trường, xây dựng Thương hiệu có hiệu quả, nhờ vậy mà thị trường và uy tín Thương hiệu của Công ty trong năm 2019 tiếp tục được giữ vững.

- Ông Đỗ Quang Huy, thành viên Hội đồng quản trị: đã tích cực tham gia vào công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị; có nhiều ý kiến đóng góp để cùng Hội đồng quản trị thông qua nhiều vấn đề quan trọng, góp phần vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2019.

Với việc hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2019.

1.6. Về giao dịch giữa công ty với người nội bộ:

Năm 2019, không phát sinh giao dịch giữa công ty với người nội bộ.

1.7. Về thù lao HĐQT:

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã được Công ty chi trả thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty thông qua, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 8.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 96.000.000 đồng.



- Thành viên HĐQT:

6.000.000 đồng/người/tháng x 04 người x 12 tháng = 288.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2019: 384.000.000 đồng.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2020

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Theo dõi sát diễn biến của chính sách tiền tệ nhằm đưa ra kế hoạch luân chuyển, sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.

- Xem xét, đánh giá kỹ các dự án đầu tư xây dựng trước khi quyết định đầu tư nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Tiếp tục kiện toàn quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.



IV. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

A. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019

1. Khó khăn, thuận lợi:

1.1. Khó khăn:

- Năm 2019, tình hình sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, như: thời tiết diễn biến phức tạp, bão, lũ liên tục xảy ra làm ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất nông nghiệp, năng suất cây trồng bị sụt giảm; giá cả của một số mặt hàng nông sản như cà phê, hồ tiêu, cao su, lúa tiếp tục giảm mạnh so với những năm trước, nên bà con nông dân đã cắt giảm đầu tư, vì vậy đã ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ phân bón trong năm.

- Lượng phân bón nhập khẩu trong năm 2019 tăng cao, đặc biệt là phân NPK, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK trong nước, trong đó có công ty.

- Các quy định của pháp luật về quản lý sản xuất kinh doanh phân bón tuy đã có tác động tích cực nhưng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp phân bón nhỏ lẻ trên thực tế vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, các sản phẩm phân bón kém chất lượng, hàng nhái, hàng giả vẫn xuất hiện tràn lan nhưng chưa được xử lý nghiêm tiếp tục làm rối loạn thị trường phân bón, ảnh hưởng tới những nhà sản xuất kinh doanh phân bón chân chính.

- Tại thị trường Campuchia, Lào: mức độ cạnh tranh giữa sản phẩm của công ty với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan tại các thị trường nêu trên ngày càng tăng, cùng với những chính sách bảo hộ cho các doanh nghiệp của nước sở tại đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc mở rộng thị trường của công ty.

1.2. Thuận lợi:

- Thương hiệu và uy tín của “Phân bón Đầu Trâu” tiếp tục được bà con nông dân trong và ngoài nước tin dùng.

- Với hệ thống phân phối rộng lớn, đại lý bán hàng truyền thống luôn sát cánh cùng công ty trong những thời điểm khó khăn đã góp phần giúp công ty vượt qua khó khăn thách thức.

- Sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp, các nhà khoa học và tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức của tập thể người lao động đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty.

2- Kết quả thực hiện năm 2019:

- Sản lượng sản xuất: 620.017 tấn, so với năm 2018 đạt 92,2%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 96,4%.



- Sản lượng tiêu thụ: 614.320 tấn, so với năm 2018 đạt 92,1%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 95,5%.

- Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện: 6.228,491 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 95,8%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 99,2%.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 136,679 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 43,7%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 47,1%.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện riêng công ty mẹ: 106,106 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 50,5%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 55,8%.

3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019:

3.1. Về kết quả hoạt động kinh doanh bán hàng:

- Năm 2019 là một năm đầy khó khăn thách thức, đặc biệt là sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường và giá cả các loại nông sản giảm. Trước những khó khăn, thách thức đó, công ty đã đề ra và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách kinh doanh, như:

- Nghiên cứu, đưa vào sản xuất các sản phẩm phân bón thích nghi với biến đổi khí hậu phù hợp cho từng khu vực.

- Đề ra các chính sách kinh doanh, chương trình khuyến mãi có hiệu quả cho hệ thống đại lý bán hàng, các chương trình kích cầu trực tiếp cho bà con nông dân vv...

Nhờ việc đề ra các cơ chế chính sách kinh doanh linh hoạt và hợp lý, cùng với chiến lược phát triển sản phẩm đúng đắn và uy tín của thương hiệu đã đưa công ty vượt qua khó khăn, đạt được kết quả nhất định.

3.2. Về công tác phát triển thị trường:

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm khuyến nông Quốc gia và Trung tâm khuyến nông các tỉnh thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cơ quan truyền thông thực hiện chương trình canh tác lúa thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt trong năm 2019 Công ty đã thực hiện chương trình “Canh tác lúa thông minh - thích ứng với biến đổi khí hậu” ứng dụng các công nghệ thông tin, sử dụng smartphone vào sản xuất trong mô hình. Chương trình đã cung cấp cho nông dân một gói các giải pháp đồng bộ để ứng phó với biến đổi khí hậu và đã được các cơ quan chuyên môn, nhà khoa học và bà con nông dân đánh giá cao hiệu quả do chương trình đem lại. Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm và giải đáp cho bà con nông dân các vấn đề liên quan đến kỹ thuật canh tác, sử dụng các loại phân bón mới có hiệu quả trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, qua đó giúp cho bà con nông dân tiếp thu nhiều kiến thức khoa học áp dụng vào sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu.



- Triển khai có hiệu quả các chương trình nghiên cứu phát triển với Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây nguyên, chương trình phát triển cà phê Buôn Ma Thuột, canh tác cà phê - hồ tiêu bền vững, thử nghiệm phân bón trên cây mía đường tại An Khê - Gia Lai và Attapeu - Lào vv...

- Tài trợ và tham gia lễ hội Festival cà phê lần thứ 7 tại Daklak. Bằng các chương trình thiết thực trong lễ hội đã đưa hình ảnh thương hiệu Phân bón Đầu Trâu ngày càng gần gũi hơn với đồng bào Tây nguyên.

- Tại thị trường Campuchia: phối hợp với nhà phân phối Yetak thực hiện trên 100 mô hình canh tác lúa hiệu quả, trên 100 cuộc hội thảo nông dân tại các vùng trọng điểm để giới thiệu sản phẩm phân bón Đầu Trâu đến với nông dân; thực hiện chương trình quảng cáo sản phẩm trên sóng phát thanh và truyền hình quốc gia Campuchia và các hương trình khác.

Bên cạnh các hoạt động nổi bật trên đây, các chương trình Marketing của năm trước tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, góp phần quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, sản phẩm của công ty tiếp tục được bà con nông dân trong và ngoài nước tin dùng, thị trường tiêu thụ của công ty trong và ngoài nước tiếp tục được giữ vững.

3.3. Về hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường:

- Nghiên cứu cải tiến các hệ thống định lượng tự động nhằm nâng cao độ đồng nhất, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm bụi phát tán trong môi trường sản xuất.

- Đầu tư hệ thống băng tải kết nối giữa các kho nguyên liệu, dây chuyền sản xuất, kho thành phẩm và khu vực cảng xuất hàng nhằm giảm chi phí trung chuyển.

- Nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị hiện tại, thay đổi các thông số công nghệ và ứng dụng vào sản xuất các sản phẩm phân bón hữu cơ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước tiếp cận xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện; công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ, năm 2019 không có sự cố môi trường, tai nạn lao động xảy ra.

3.4. Về công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm:

- Nghiên cứu, đánh giá, thử nghiệm các loại nguyên liệu mới để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới có hàm lượng dinh dưỡng cao, phù hợp với từng loại đất, cây trồng và biến đổi khí hậu.



- Tổ chức khảo nghiệm, thí nghiệm các loại phân bón mới của công ty cho nhiều loại cây trồng khác nhau tại các khu vực trọng điểm trên toàn quốc và thực hiện một số đề tài cấp Nhà nước, qua đó đã đưa ra các khuyến cáo, định hướng cho bà con nông dân kỹ thuật canh tác, sử dụng phân bón có hiệu quả.

3.5. Về công tác quản lý tài chính:

Việc quản lý và sử dụng tài chính được quản lý và cân đối tốt, tình hình công nợ được kiểm soát chặt chẽ, không phát sinh nợ phải thu khó đòi. Với chính sách kinh doanh linh hoạt, hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho công ty chủ động cân đối về mặt tài chính. Các khoản vốn vay được sử dụng đúng mục đích đã nâng cao hiệu quả của đồng vốn.

- Các khoản chi tiêu được kiểm soát chặt chẽ đã cắt giảm được các khoản chi phí không hợp lý.

3.6. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Năm 2019, công tác đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu là các hạng mục đầu tư mua sắm phục vụ trực tiếp cho sản xuất, như: hệ thống băng tải xuất nhập hàng tại cảng 3000 tấn; mua máy phát điện dự phòng, nén khí và một số hạng mục khác.

3.7. Về công tác quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm:

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm trên từng khâu, từng công đoạn trước khi đóng bao để đưa ra thị trường, nhờ vậy sản phẩm của công ty ngày càng được bà con nông dân tin dùng.

3.8. Về chăm lo đời sống đối với người lao động:

Đi đôi với việc đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Năm 2019, thu nhập bình quân của người lao động là 11.000.000 đồng; các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

3.9. Các hoạt động hướng đến cộng đồng:

- Tiếp tục thực hiện nội dung giao ước kết nghĩa với Bon R'Long Phe tại xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông và Buôn Eana tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Bằng những việc làm thiết thực, công ty đã giúp đồng bào Bon R'Long Phe và Buôn Eana có điều kiện phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đời sống được nâng cao về nhiều mặt.

- Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, mái ấm Bình Điền, mái ấm công đoàn cho các gia đình chính sách, thương binh liệt sỹ với tổng trị giá trên 03 tỷ đồng.



- Ủng hộ người nghèo, trẻ em nghèo hiếu học, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai vv... với số tiền trên 02 tỷ đồng.

- Đồng hành cùng với công ty trong công tác vì người nghèo, tập thể người lao động của công ty cũng đã trích từ thu nhập của mình để góp vào quỹ người nghèo với mức 20.000 đồng/người/tháng và 2%/ tiền của mỗi kỳ thưởng/người, tổng mức đóng góp của người lao động năm 2019 trên 01 tỷ đồng.

3.10. Về hoạt động của Đội bóng chuyên nữ VTV - Bình Điền - Long An:

- Với phong cách và thái độ thi đấu ấn tượng, Đội bóng chuyên nữ “VTV - Bình Điền - Long An” đã góp phần tích cực vào việc quảng bá và nâng cao uy tín thương hiệu, được giới chuyên môn và người hâm mộ yêu mến, khen ngợi.

- Năm 2019, công ty cũng đã tổ chức thành công giải bóng chuyên nữ quốc tế tranh “Cup VTV – Bình Điền” lần thứ XII tại tỉnh Kiên Giang. Việc tổ chức thành công sự kiện trên đã góp phần vào việc quảng bá thương hiệu phân bón Đầu Trâu, góp phần đưa thương hiệu “Phân bón Đầu Trâu” ngày càng gần gũi hơn với người nông dân trong và ngoài nước.

B. Mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2020

1- Mục tiêu năm 2020:

Năm 2020, bên cạnh những thuận lợi về lợi thế thương hiệu, tình hình hoạt động của công ty sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 gây ra đang diễn biến ngày càng phức tạp, gây thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới và trong nước, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dự báo năm 2020 thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón.

- Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong và ngoài nước trong năm 2020 được dự báo là sẽ khốc liệt nhất từ trước đến nay; các hành vi cạnh tranh không lành mạnh có chiều hướng gia tăng, tình trạng phân bón kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái chưa được xử lý dứt điểm sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón chân chính.

- Các quy định bất cập của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực phân bón và chính sách áp thuế phòng vệ đối với mặt hàng DAP nhập khẩu đang có hiệu lực sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK trong nước.



Từ những nhận định nêu trên, Tổng giám đốc công ty đề xuất mục tiêu nhiệm vụ và kế hoạch năm 2020 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	KH_2020/ TH_2019
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	620.017	635.495	102,5%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	614.320	630.871	102,7%
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	6.228.491	6.022.515	96,7%
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	136.679	153.230	112,1%
5	Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Triệu đồng	106.106	102.000	96,1%

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

2.1. Về hoạt động kinh doanh:

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình. Duy trì và phát triển vững chắc các thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu, ban hành và thực thi các cơ chế chính sách kinh doanh mới phù hợp với tình hình từng thị trường cụ thể, trong đó tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách nhằm mục tiêu phát triển thị trường mới ở nước ngoài như Myanmar và thị trường Thái Lan, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và lợi nhuận năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ giữa công ty với đại lý bán hàng và bà con nông dân.

2.2. Về hoạt động Marketing:

- Tiếp tục thực hiện các chương trình đã và đang thực hiện có hiệu quả trong năm 2019.

- Tập trung vào việc củng cố và phát triển thị trường mục tiêu, có chính sách hợp lý để phát triển thị trường mới nhưng chưa có kênh phân phối; chú trọng giữ vững thị trường trong nước và Campuchia, phát triển thị trường Lào và đẩy mạnh việc phát triển thị trường Myanmar, thị trường Thái Lan.

- Nghiên cứu, thực thi các cơ chế, chính sách thị trường, phân khúc thị trường nhằm tránh cạnh tranh lẫn nhau trong hệ thống Công ty Mẹ và Công ty Con.



2.3. Về công tác quản lý sản xuất:

- Tăng cường công tác giáo dục đồng thời đi đôi với biện pháp kinh tế để nâng cao ý thức của người lao động đối với sản phẩm do mình làm ra, hạn chế tối đa lỗi về sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chặt chẽ chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng và hình thức mẫu mã.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

2.4. Về chiến lược sản phẩm:

- Chú trọng phát triển dòng sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao; nghiên cứu và sản xuất các loại sản phẩm mới phù hợp với biến đổi khí hậu, sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và định hướng phát triển nông nghiệp của Chính phủ; đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ, vi lượng tại các công ty con.

- Ngoài các sản phẩm thế mạnh hiện nay, công ty sẽ xem xét đưa vào sản xuất các sản phẩm mới mà công ty đã nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong năm 2019.

- Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm; tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu.

2.5. Về khoa học công nghệ, môi trường:

- Tiếp tục cải tiến công nghệ, đổi mới và bố trí hợp lý thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất và chi phí quản lý để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc; tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

2.6. Về công tác tài chính:

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ đối với các khoản chi tiêu, rà soát và cắt giảm các khoản chi phí không hợp lý; chú trọng công tác kiểm soát các khoản nợ, không để phát sinh nợ xấu.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra kiểm soát hoạt động mua sắm, hạn chế tối đa hàng tồn kho nhằm tiết giảm chi phí.



2.7. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Tiếp tục xem xét tính khả thi của dự án “Đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm NPK tại Nhà máy phân bón Bình Điền - Long An công suất 200.000 tấn/năm phục vụ cho chiến lược phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

2.8. Về tổ chức bộ máy quản lý:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của công ty.

- Bố trí, sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý, hạn chế thuê mướn nhân công bên ngoài nhằm tiết giảm chi phí và không ảnh hưởng đến quỹ lương.

2.9. Về chế độ tiền lương:

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, bảo đảm thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

2.10. Về hoạt động từ thiện, xã hội:

Tiếp tục thực hiện các hoạt động hướng đến cộng đồng, hoạt động xã hội, từ thiện gắn với công tác xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường của công ty.

2.11. Về công tác phòng, chống dịch:

- Chấp hành nghiêm các chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Bộ Y tế và của chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 gây ra.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến của dịch bệnh để đề ra và triển khai các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, các giải pháp phòng chống dịch tại Công ty, đảm bảo an toàn cho người lao động nếu dịch bệnh tái bùng phát.

2.12. Phong trào thi đua:

Đẩy mạnh phong trào thi đua “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật & quản lý, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí” trong thực hiện nhiệm vụ SXKD, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

V. Báo cáo Ban Kiểm Soát

1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2019

1.1. Các hoạt động của Ban Kiểm Soát



Ban Kiểm soát (BKS) của công ty có 3 thành viên. Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc cụ thể đã thực hiện:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty với Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành công ty.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua ngày 26/04/2019.

- Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Xem xét tính hợp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, và Ban Tổng giám đốc; kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Kiểm tra việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, qua đó đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời của công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Thẩm định các báo cáo tài chính quý và năm, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2019 của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Kiến nghị, đề xuất với HDQT, Ban Tổng giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả và an toàn vốn trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

1.2. Thù lao và chi phí hoạt động Ban Kiểm Soát năm 2019

- Năm 2019, các Kiểm soát viên đã nhận thù lao theo mức được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm soát: không hưởng thù lao mà hưởng lương theo chế độ chuyên trách theo quy định của pháp luật.

- Các Kiểm soát viên:

4.000.000 đồng/người.tháng x 02 người x 12 tháng = 96.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát năm 2018: 96.000.000 đồng.

- Về chi phí hoạt động của BKS năm 2018 tuân thủ theo quy định của công ty.



2. Kết quả kiểm tra, kiểm soát năm 2019

2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông qua với sự nhất trí cao của các thành viên, và được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Trình tự, thủ tục các phiên họp của Hội đồng quản trị, việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện toàn bộ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành sửa đổi, bổ sung kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới ban hành để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, bảo đảm lợi ích của Công ty và của cổ đông.

2.2 Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2019 Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT công ty, thực hiện nghiêm túc các quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và pháp luật quy định.

- Ban Tổng Giám đốc đã ban hành, sửa đổi kịp thời các Quy trình, Quy định áp dụng vào quá trình điều hành công ty một cách khoa học và có hiệu quả cao trong công tác quản trị; tích cực, chủ động trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển; Bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động; Hiệu quả kinh doanh tốt, tình hình tài chính ổn định, lành mạnh.

2.3. Kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông

Từ sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019 đến nay, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về việc kiểm tra hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; Công bố thông tin.

- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp thường kỳ và đột xuất, các cuộc họp có sự tham gia của Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, kịp thời.

- Ban Kiểm soát đã nhận được các tài liệu về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty theo thường kỳ và đột xuất.



- Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị của Công ty đã được công bố theo đúng quy định và được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty..

4. Một số kiến nghị của BKS

- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, đẩy nhanh hạng mục đầu tư dở dang sớm đưa vào sản xuất, phát huy hiệu quả đầu tư, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra quản lý vốn đầu tư của công ty tại doanh nghiệp khác.

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tiếp tục có giải pháp tăng vòng quay vốn; tăng cường công tác quản lý công nợ, giảm nợ phải thu, không để phát sinh nợ xấu.

5. Kế hoạch hoạt động năm 2020

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020, thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính định kỳ, công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình tài chính quý, năm của công ty.

- Phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các công ty con của Công ty theo chuyên đề.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.

- Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu.



VI. Báo cáo tài chính kiểm toán

Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ được kiểm toán được đăng tải đầy đủ trên website: www.binhdien.com.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 4 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Đông

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 30
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	41
8. Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	42 - 44



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 5 công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC, sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 06/06/2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302975517 so Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/01/2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 04 ngày 28/12/2017.

Vốn điều lệ : 571.679.930.000 đồng (năm trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (028) 3756 0110
- Fax : + 84 (028) 3756 0799
- Mã số thuế : 0 3 0 2 9 7 5 5 1 7

• Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

• **Thông tin về Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	24/04/2015	-
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	24/04/2015	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban	27/04/2016	-
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên	25/04/2017	-
Ông Quán Đình Gang	Thành viên	25/04/2017	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	01/01/2018	-
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	15/02/2016	-
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	28/02/2013	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ngô Văn Đông - Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 44.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN MINH SƠN
Phó Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Số: 2202/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Kết quả kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.485.377.267.052	2.881.249.979.500
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	397.285.452.396	318.247.777.132
111	1. Tiền		317.285.452.396	249.020.472.861
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	69.227.304.271
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		24.346.512.059	46.472.418.908
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	24.346.512.059	46.472.418.908
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		695.917.534.807	577.522.068.666
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	672.501.430.002	535.836.831.797
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	15.048.641.694	35.702.996.844
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	17.901.460.088	14.186.026.306
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(9.533.996.977)	(8.203.786.281)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.347.103.381.416	1.898.573.810.102
141	1. Hàng tồn kho		1.347.103.381.416	1.898.573.810.102
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.724.386.374	40.433.904.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	2.949.797.425	3.097.983.045
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.940.496.745	21.771.071.756
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.18	3.834.092.204	15.326.333.891
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	238.516.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		852.151.094.680	836.251.574.807
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.737.502.545	6.411.502.545
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	3.737.502.545	6.411.502.545
220	II. Tài sản cố định		760.585.986.105	763.191.123.620
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	527.397.544.919	472.204.134.392
222	- Nguyên giá		978.585.107.846	832.947.345.821
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(451.187.562.927)	(360.743.211.429)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	-	9.539.042.542
225	- Nguyên giá		-	24.212.050.613
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	(14.673.008.071)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	233.188.441.186	281.447.946.686
228	- Nguyên giá		240.856.398.857	288.373.413.594
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.667.957.671)	(6.925.466.908)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		63.749.183.308	51.332.481.028
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	63.749.183.308	51.332.481.028
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	8.177.477.852	8.177.477.852
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.484.441.019)	(3.484.441.019)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.900.944.870	7.138.989.762
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	10.559.100.571	6.668.454.624
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14	5.106.576.730	-
269	3. Lợi thế thương mại	V.15	235.267.569	470.535.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.337.528.361.732	3.717.501.554.307

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.184.088.929.366	2.528.663.221.235
310	I. Nợ ngắn hạn		2.043.077.163.659	2.352.076.445.840
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	362.949.954.711	422.811.233.299
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	62.007.451.656	21.589.041.415
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	129.255.672.900	132.317.490.303
314	4. Phải trả người lao động		36.117.021.548	22.894.931.917
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	79.376.672.923	35.950.807.024
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.20	25.536.119.181	25.869.218.731
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21a	1.333.840.763.074	1.677.511.558.375
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	13.993.507.666	13.132.164.776
330	II. Nợ dài hạn		141.011.765.707	176.586.775.395
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21b	141.011.765.707	176.586.775.395
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.153.439.432.366	1.188.838.333.072
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	1.153.439.432.366	1.188.838.333.072
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		24.230.059.200	19.640.059.200
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		182.263.351.733	164.003.584.634
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.191.833.055	13.191.833.055
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		131.471.170.256	164.678.939.727
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		88.552.624.892	86.700.956.316
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		42.918.545.364	77.977.983.411
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		230.603.088.122	255.643.986.456
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.337.528.361.732	3.717.501.554.307

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám Đốc

Chỉ ký được ủy quyền



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TẤN SƠN



NGUYỄN MINH SƠN

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	6.228.490.457.424	6.500.449.783.698
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	96.058.578.748	118.560.806.591
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.132.431.878.676	6.381.888.977.107
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	5.396.605.135.223	5.542.136.460.138
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		735.826.743.453	839.752.516.969
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	7.345.293.939	13.626.614.136
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	146.317.181.393	139.295.163.682
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		115.183.617.700	106.835.763.541
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	349.663.317.909	301.713.320.873
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	129.419.642.324	119.868.738.343
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.771.895.766	292.501.908.207
31	12. Thu nhập khác	VI.8	20.288.612.799	21.527.971.679
32	13. Chi phí khác	VI.9	1.381.662.967	1.618.254.099
40	14. Lợi nhuận khác		18.906.949.832	19.909.717.580
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		136.678.845.598	312.411.625.787
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	42.530.934.605	59.111.648.501
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(5.106.576.730)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		99.254.487.723	253.299.977.286
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		74.002.541.864	193.313.969.411
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		25.251.945.859	59.986.007.875
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.165	2.766
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	1.165	2.766



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám Đốc

chữ ký được ủy quyền

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN



NGUYỄN MINH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.18	136.678.845.598	312.411.625.787
	2. Điều chỉnh cho các khoản		179.402.708.409	165.452.565.157
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9;V.10; V.11	82.707.576.388	77.420.662.377
03	- Các khoản dự phòng		1.330.210.696	1.006.671.725
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4; VI.8	(19.818.696.375)	(19.810.532.486)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	115.183.617.700	106.835.763.541
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		316.081.554.007	477.864.190.944
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(97.490.344.139)	(117.420.382.933)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		551.470.428.686	200.518.937.302
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		28.958.140.423	43.201.966.979
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.507.192.758)	(3.193.872.777)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(110.325.290.501)	(106.835.763.541)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.18	(32.121.231.997)	(60.310.944.682)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.22	559.972.000	843.823.575
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.22	(37.385.212.459)	(49.945.164.079)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		616.240.823.262	384.722.790.788
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9;V.11; V.12	(142.704.201.175)	(88.968.118.498)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		64.691.717.986	28.487.261.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(71.472.418.908)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.125.906.849	42.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.4	5.312.038.411	6.349.723.580
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(50.574.537.929)	(83.103.552.008)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	3.418.215.197.447	4.526.436.339.613
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(3.796.052.278.836)	(4.600.755.084.940)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	V.21	(1.408.723.600)	(11.986.506.103)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.1	(107.382.805.080)	(241.800.830.451)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(486.628.610.069)	(328.106.081.881)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		79.037.675.264	(26.486.843.101)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	318.247.777.132	344.734.620.233
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	397.285.452.396	318.247.777.132

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ được ủy quyền



TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

NGUYỄN MINH SƠN

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5. Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.161 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.185 nhân viên.

7. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Tỷ lệ lãi gộp giảm từ 13,16% xuống còn 12,00% do giá nguyên vật liệu đầu vào cao nhưng giá bán không tăng tương ứng, giá bán có xu hướng ổn định để tạo lợi thế cạnh tranh. Cùng với các khoản chi phí phục vụ bán hàng và quản lý vẫn phải duy trì ở mức cao để duy trì thị phần và đẩy mạnh tiêu thụ đã làm giảm đáng kể lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (năm nay giảm 56,35% so với năm trước).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2019 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	07 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Giấy phép nhượng quyền

Chi phí liên quan đến các giấy phép nhượng quyền thương hiệu. Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: phân bón thành phẩm và nguyên liệu phân bón.

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

33031
CỔ
RÁCH N
ỀM TO
CHU
5-7

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

75
TY
HỮU
À TU
VIỆ
5 C

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	4.420.552.266	4.919.725.343
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	312.864.900.130	244.100.747.518
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	80.000.000.000	69.227.304.271
Cộng	<u>397.285.452.396</u>	<u>318.247.777.132</u>

^(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng.

Toàn bộ giá trị khoản tiền gửi tiết kiệm cuối năm dùng để thế chấp các khoản vay là 24.346.512.059 đồng (xem tại thuyết minh V.21).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng không là bên liên quan</i>	672.501.430.002	535.836.831.797
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	97.800.812.187	94.210.101.896
- Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	38.237.356.000	18.038.488.717
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	27.403.779.117	11.010.105.317
- Công ty TNHH Hồng Nhung	27.349.980.400	5.042.726.900
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	21.018.994.898	25.566.375.603
- Công ty CP XNK Phân bón Minh Tân	14.657.253.981	10.083.936.395
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	13.340.996.762	13.581.122.362
- Các khách hàng khác	432.692.256.657	358.303.974.607
Cộng	<u>672.501.430.002</u>	<u>535.836.831.797</u>

Trong đó, giá trị nợ phải thu khách hàng luân chuyển cuối năm dùng để thế chấp các khoản vay là 286.598.156.365 đồng (xem tại thuyết minh V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu là trả trước để xây dựng và sửa chữa lớn tài sản cố định.

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán không là bên liên quan</i>	15.048.641.694	35.702.996.844
- Công ty TNHH Cơ khí & Thiết Bị Việt Khang	4.854.801.000	-
- Công ty TNHH Chế Tạo Máy Phú Minh	2.323.915.200	-
- Trả trước cho người bán khác	7.869.925.494	35.702.996.844
Cộng	<u>15.048.641.694</u>	<u>35.702.996.844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	1.116.998.350	-	-	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.116.998.350	-	-	-
Phải thu khác không là bên liên quan	16.784.461.738	-	14.186.026.306	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	4.666.033.380	-	3.242.975.986	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.118.428.358	-	10.943.050.320	-
Cộng	17.901.460.088	-	14.186.026.306	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu khác không là bên liên quan	-	-	2.674.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	-	-	2.674.000.000	-
Cộng	3.737.502.545	-	6.411.502.545	-

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Dự phòng phải thu là bên liên quan		-	-		-	-
Dự phòng phải thu không là bên liên quan		11.556.936.257	9.533.996.977		11.185.459.818	8.203.786.281
- Ban tự quản Buôn Eana (phải thu thương mại)	Trên 3 năm	438.623.835	438.623.835	Trên 3 năm	438.623.835	438.623.835
- Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hòa Lào	Trên 3 năm	701.000.000	701.000.000	Trên 3 năm	701.000.000	701.000.000
- Cty TNHH MTV Thương mại Hoàng Trang	Trên 3 năm	538.038.555	538.038.555	Trên 3 năm	538.038.555	538.038.555
- DNTN Nguyễn Hương	Trên 3 năm	507.374.220	507.374.220	Trên 3 năm	507.374.220	507.374.220
- Đại Lý Minh Đức	Trên 3 năm	371.731.907	371.731.907	Trên 3 năm	371.731.907	371.731.907
- Công ty Cà phê Boloven Vina	Trên 3 năm	365.640.000	365.640.000	Trên 3 năm	365.640.000	365.640.000
- Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	Trên 3 năm	215.100.000	215.100.000	Trên 3 năm	215.100.000	215.100.000
- Các đối tượng khác	Trên 06 tháng	8.419.427.740	6.396.488.460	Trên 06 tháng	8.047.951.301	5.066.277.764
Cộng		11.556.936.257	9.533.996.977		11.185.459.818	8.203.786.281

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	928.501.041.815	-	1.421.272.558.875	-
- Công cụ, dụng cụ	12.931.701.743	-	10.935.116.476	-
- Chi phí SX XKD dở dang	43.021.743.678	-	43.457.615.145	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	352.062.146.046	-	416.836.423.259	-
- Hàng hóa	10.586.748.134	-	6.072.096.347	-
Cộng	1.347.103.381.416	-	1.898.573.810.102	-

Trong đó giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm dùng để thế chấp các khoản vay là 702.011.015.757 đồng (xem tại thuyết minh V.21).

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...

⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	2.949.797.425	3.097.983.045
Cộng	2.949.797.425	3.097.983.045

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.097.983.045	2.215.696.247
Tăng trong năm	3.245.856.145	3.581.948.160
Phân bổ trong năm	(3.394.041.765)	(2.699.661.362)
Số cuối năm	2.949.797.425	3.097.983.045

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	7.273.603.123	2.205.322.288
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.285.497.448	4.463.132.336
Cộng	10.559.100.571	6.668.454.624

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.668.454.624	3.396.841.195
Tăng trong năm	10.168.894.463	4.612.192.552
Phân bổ trong năm	(6.278.248.516)	(1.340.579.123)
Số cuối năm	10.559.100.571	6.668.454.624

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là tài sản cố định thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu với thời gian thuê 3 năm. Tháng 07 năm 2019 là năm cuối cùng của thời hạn thuê, Công ty đã thanh toán hết tiền thuê và thực hiện mua lại tài sản cố định thuê tài chính, đồng thời, trình bày sang TSCĐ hữu hình.

	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	24.212.050.613	24.212.050.613
Kết chuyển sang TSCĐ hữu hình	(24.212.050.613)	(24.212.050.613)
Số cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	14.673.008.071	14.673.008.071
Khấu hao tăng trong năm	1.210.602.530	1.210.602.530
Kết chuyển sang TSCĐ hữu hình	(15.883.610.601)	(15.883.610.601)
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	9.539.042.542	9.539.042.542
Số cuối năm	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Phần mềm	Giấy phép nhượng quyền	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	287.359.636.594	1.013.777.000	-	288.373.413.594
Mua trong năm	2.477.048.448	332.308.800	324.400.000	3.133.757.248
Thanh lý, nhượng bán	(50.650.771.985)	-	-	(50.650.771.985)
Số cuối năm	239.185.913.057	1.346.085.800	324.400.000	240.856.398.857
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	6.128.875.522	796.591.386	-	6.925.466.908
Khấu hao trong năm	997.354.628	153.325.876	57.522.222	1.208.202.726
Thanh lý, nhượng bán	(465.711.963)	-	-	(465.711.963)
Số cuối năm	6.660.518.187	949.917.262	57.522.222	7.667.957.671
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	281.230.761.073	217.185.613	-	281.447.946.686
Số cuối năm	232.525.394.870	396.168.538	266.877.778	233.188.441.186

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 605.000.000 đồng.
- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 18.708.875.342 đồng (xem tại thuyết minh V.21).

^(*)Quyền sử dụng đất cuối năm của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này, trong năm, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này.

- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.
- Quyền sử dụng 31.829 m² đất thuê (một phần các thửa đất 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.21).
- Quyền sử dụng 5.200 m² đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.21).
- Quyền sử dụng 4.000 m² đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.21).
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2016 với tổng diện tích 10.202,50 m² thuộc lô đất số A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, ấp An Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và BM189701 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2015 với tổng diện tích 15.233,20 m² thuộc lô đất số A10, đường C4, KCN Bourbon An Hòa, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Chi phí phát		Kết chuyển vào	
	Số đầu năm	sinh trong năm	TSCĐ trong năm	Số cuối năm
- Mua sắm TSCĐ	-	43.868.000	-	43.868.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	13.795.983.000	(13.795.983.000)	-
- Xây dựng cơ bản	51.332.481.028	108.104.495.273	(95.731.660.993)	63.705.315.308
Cộng	51.332.481.028	121.944.346.273	(109.527.643.993)	63.749.183.308

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)
Cộng	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết gồm:	Số tiền	Thuế suất	Tài sản thuế
			TNDN hoãn lại
- Tạm trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	25.532.883.650	20%	5.106.576.730
Cộng	25.532.883.650		5.106.576.730

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP Bình Điền MeKong	169.550.656	-	(84.775.328)	84.775.328
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	300.984.482	-	(150.492.241)	150.492.241
Cộng	470.535.138	-	(235.267.569)	235.267.569

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán không là bên liên quan</i>	<i>362.949.954.711</i>	<i>422.811.233.299</i>
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	68.547.734.844	85.058.119.341
- Công ty TNHH Nguyễn Phan	17.956.952.000	36.351.905.000
- Công ty TNHH Eastchem	26.715.699.500	38.833.097.000
- Các nhà cung cấp khác	249.729.568.367	262.568.111.958
Cộng	362.949.954.711	422.811.233.299

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Người mua trả tiền trước không là bên liên quan</i>	<i>62.007.451.656</i>	<i>21.589.041.415</i>
- Đại lý Trần Thị Hiền	3.808.126.500	621.661.050
- Công ty CP Vật tư Tổng hợp Nam Ninh	2.975.608.365	18.502.562
- Đại lý Phan Đức Quý	2.438.584.289	346.883.552
- Đại lý Hoàng Thành	2.430.746.864	1.170.115.176
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	50.354.385.638	19.431.879.075
Cộng	62.007.451.656	21.589.041.415

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	479.344.917	21.463.794	1.431.261.929	(1.532.346.362)	380.738.665	23.941.975
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.312.464.159	(5.312.464.159)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.553.772.516	(1.553.772.516)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.752.850.264	15.218.504.087	42.530.934.605	(32.121.231.997)	12.691.149.154	3.747.100.369
- Thuế thu nhập cá nhân	3.397.674.467	54.453.024	6.817.826.582	(8.727.933.459)	1.496.164.426	63.049.860
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	31.912.986	1.393.992.437	(1.362.079.451)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
Cộng	132.317.490.303	15.326.333.891	59.056.252.228	(50.625.827.944)	129.255.672.900	3.834.092.204

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất:

- Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất phổ thông 20%.
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, năm 2019 là năm thứ 8 được hưởng thuế suất ưu đãi.

- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Công ty CP Bình Điền Ninh Bình giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (bắt đầu từ năm 2017), năm 2019 là năm thứ 03 được giảm 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
-Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	136.678.845.598	312.411.625.787
<i>Trong đó:</i>		
+Hoạt động sản xuất kinh doanh	122.779.081.415	312.411.625.787
+Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	13.899.764.183	-
-Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	83.958.821.063	16.435.155.079
*Chi phí không hợp lý	2.338.782.466	2.824.245.135
*Lãi vay vượt 20% EBITDA	35.861.456.325	13.375.642.375
*Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	25.532.883.650	
*Các khoản phát sinh từ hợp nhất	235.267.569	235.267.569
*Tặng khác	628.741.390	
*Lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con	19.361.689.663	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(16.614.668.512)	-
-Thu nhập tính thuế	204.022.998.149	328.846.780.866
<i>Trong đó:</i>		
+Hoạt động kinh doanh (thuế suất 20%)	145.141.523.560	238.983.214.286
+Hoạt động kinh doanh (thuế suất 17%)	19.744.880.942	28.893.596.119
+Hoạt động chuyển nhượng BDS (thuế suất 20%)	13.899.764.183	-
+Hoạt động kinh doanh (thuế suất 20%) và được giảm 50%	25.236.829.464	60.969.970.461
-Thuế TNDN phải nộp năm nay	37.688.570.255	58.805.551.243
<i>Trong đó:</i>		
+Hoạt động kinh doanh (thuế suất 20%)	29.028.304.712	47.796.642.857
+Hoạt động kinh doanh (thuế suất 17%)	3.356.629.760	4.911.911.340
+Hoạt động chuyển nhượng BDS (thuế suất 20%)	2.779.952.837	-
+Hoạt động kinh doanh (thuế suất 20%) và được giảm 50%	2.523.682.946	6.096.997.046
- Truy thu thuế của các năm trước	4.842.364.350	306.097.258
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	42.530.934.605	59.111.648.501

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	50.827.740.464	34.737.615.507
- Tạm trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	25.532.883.650	-
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	1.355.949.000	881.750.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.660.099.809	331.441.517
Cộng	79.376.672.923	35.950.807.024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

20. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	2.660.000.000
- Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam	-	2.660.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	25.536.119.181	23.209.218.731
- Kinh phí công đoàn	911.742.462	1.976.146.149
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.609.851.370	2.235.464.331
- Lãi vay phải trả	5.121.265.120	262.937.921
- Cổ tức phải trả	-	10.800.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.893.260.229	7.934.670.330
Cộng	25.536.119.181	25.869.218.731

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	1.333.840.763.074	1.333.840.763.074	1.676.102.834.775	1.676.102.834.775
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽¹⁾	263.464.541.700	263.464.541.700	274.312.380.854	274.312.380.854
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hàm Nghi ⁽²⁾	39.090.132.000	39.090.132.000	67.467.076.233	67.467.076.233
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé ⁽³⁾	57.448.614.000	57.448.614.000	90.325.644.463	90.325.644.463
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM ⁽⁴⁾	205.284.321.092	205.284.321.092	407.506.987.575	407.506.987.575
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽⁵⁾	88.065.000.000	88.065.000.000	91.600.000.000	91.600.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam - TpHCM	-	-	54.399.432.710	54.399.432.710
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM ⁽⁶⁾	29.856.480.000	29.856.480.000	27.525.750.618	27.525.750.618
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Tây Sài Gòn ⁽⁷⁾	140.430.899.635	140.430.899.635	139.174.763.826	139.174.763.826
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tp.HCM ⁽⁸⁾	76.068.409.639	76.068.409.639	79.647.992.772	79.647.992.772
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN - CN Quảng Trị ⁽⁹⁾	19.338.727.500	19.338.727.500	21.885.358.850	21.885.358.850
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Quảng Trị ⁽¹⁰⁾	90.185.275.000	90.185.275.000	41.350.000.000	41.350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽¹¹⁾	49.954.423.992	49.954.423.992	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng ⁽¹²⁾	4.115.278.640	4.115.278.640	15.490.349.329	15.490.349.329
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng ⁽¹³⁾	20.881.052.000	20.881.052.000	9.308.430.500	9.308.430.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁴⁾	249.657.607.876	249.657.607.876	286.779.425.925	286.779.425.925
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Nội	-	-	69.329.241.120	69.329.241.120
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	1.408.723.600	1.408.723.600
Cộng	1.333.840.763.074	1.333.840.763.074	1.677.511.558.375	1.677.511.558.375

- (1) Là khoản vay theo Hợp đồng 18.2990105/HĐCVHM/NHCT900-BFC ngày 18/11/2018. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (2) Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 0090/2018/5762220/HĐTD ngày 12/10/2018. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (3) Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 53/2018/5762220/HĐTD ngày 20/10/2018. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (4) Là khoản vay theo hợp đồng vay số 0066/1838/N-CTD ngày 01/06/2018, Hạn mức 700.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (5) Là khoản vay theo Hợp đồng vay Số BC_HĐTD/BFC/201904 ngày 09/04/2019 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 8.000.000 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (6) Là khoản vay theo Hợp đồng số 26732/18/MN/HĐTD ngày 07/01/2019. Hạn mức: 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (7) Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 190466000/2019 – HĐCVHM / NHCT923 – CTBINHDIEN MEKONG ngày 08/01/2019 của Công ty CP Bình Điền Mê Kông. Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO560264 và số CO560265 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/03/2019. Toàn hàng hóa luân chuyển với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm không thấp hơn 40.000.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 150270079/HĐTC ngày 23 /04/2015).
- (8) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/CV-0171/KHDN1/17NH ngày 05/10/2018 của Công ty CP Bình Điền Mê Kông. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: tại trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Tài sản thế chấp: các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh. Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

quyền sử dụng đất số 06/2016/HĐTLĐ – TTCIZ ngày 25/08/2016 theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0595/NHNT ngày 12/12/2016.

- (9) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 29BB/HĐTD/2019 ngày 17/07/2019 của Công ty CP Bình Điền Quảng Trị. Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động - Kinh doanh phân bón. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 29BB/HĐTC/2019 ngày 17/07/2019 (Chi tiết xem tại mục V.6 – Thuyết minh Báo cáo tài chính); Thế chấp toàn bộ các khoản nợ phải thu của Công ty theo HĐ thế chấp hàng hóa số 29BB/HĐTC/2019; Thế chấp toàn bộ tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3006/2017/HĐTC ngày 30/06/2017 và số 3008/2017/HĐTC ngày 01/09/2017.
- (10) Là khoản vay theo Hợp đồng hạn mức số 1511/2018-HĐCVHM/NHCT450-BINH DIEN ngày 23/01/2019 của Công ty CP Bình Điền Quảng Trị. Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 1610/2017-HĐCVHM/NHCT450-BINH DIEN ngày 19/10/2018). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động – Kinh doanh phân bón. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: thế chấp toàn bộ hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2305/2019/HĐBĐ/NHCT450/BINHDIENQT tháng 05/2019; Thế chấp toàn bộ các khoản nợ phải thu của Công ty theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2305/2019/HĐBĐ/NHCT450/BINHDIENQT tháng 05/2019; Thế chấp các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 2404/2018/HĐBĐS/NHCT450 ngày 03/05/2018; Thế chấp 02 xe ô tô theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3006/2017/HĐTC ngày 30/06/2017; Thế chấp toàn bộ tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 1511/2018/HĐBĐ/NHCT450; Thế chấp toàn bộ các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm, lợi ích các khoản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác của Công ty theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450.
- (11) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV - 201902458 ngày 11/11/2019 của Công ty CP Bình Điền Quảng Trị. Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Khoản vay tín chấp.
- (12) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 121DN/2019-HĐCVHM/NHCT620-CTYBINHDIEN ngày 01/08/2019 của Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng. Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: toàn bộ hàng tồn kho là nguyên vật liệu sản xuất phân bón, phân bón các loại theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số: 57DN-TC/2019/HĐBĐ /NHCT620.
- (13) Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0021/TDN/19LD ngày 10/07/2019 kèm hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0021A/TDN/19LD ngày 10/07/2019 của Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến hoạt động kinh doanh. Tài sản thế chấp:
- Quyền sử dụng đất tại TK 278B, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010541.
 - Quyền sở hữu Công trình xây dựng và quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM193600.
 - Hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 0021B/TDN/19TC ngày 10/07/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

⁽¹⁴⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT400-BINHDIEN ngày 10/05/2019 của Công ty CP Bình Điền Ninh Bình (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT400-BINHDIEN ngày 24/04/2018). Hạn mức cho vay: 400.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: Theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng đối với hoạt động sản xuất phân bón và tối đa không quá 05 tháng đối với hoạt động kinh doanh thương mại phân bón. Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/04/2017.

- Tài sản đảm bảo 2: Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017-HĐTCĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/04/2017.

- Tài sản đảm bảo bổ sung: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) và các quyền phải thu của Công ty cổ phần Bình Điền-Ninh Bình. Tổng giá trị tối thiểu tương ứng với số dư tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm của Công ty Cổ Phần Bình Điền - Ninh Bình tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐTCQTS/NHCT400 ngày 23/04/2018.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.676.102.834.775	3.388.430.481.610	(3.730.692.553.311)	1.333.840.763.074
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.408.723.600	-	(1.408.723.600)	-
Cộng	1.677.511.558.375	3.388.430.481.610	(3.732.101.276.911)	1.333.840.763.074

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	141.011.765.707	141.011.765.707	176.586.775.395	176.586.775.395
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	29.813.900.000	29.813.900.000	36.678.883.006	36.678.883.006
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM	-	-	29.204.664.177	29.204.664.177
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽²⁾	111.197.865.707	111.197.865.707	110.703.228.212	110.703.228.212
Cộng	141.011.765.707	141.011.765.707	176.586.775.395	176.586.775.395

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 150270045/2015- HĐTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015 của Công ty CP Bình Điền Ninh Bình. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân, ân hạn 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng. Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015. Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

(2) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015; Mục đích vay: đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền-Ninh Bình; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hợp đồng số 09/2015 – HĐTCĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT400-BĐ ngày 20/11/2017; Hạn mức cho vay: 96.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 72 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 06/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.

+ Tài sản đảm bảo 2: Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017-HĐTCĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung 3.1: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 01-HĐTCHH/NHCT400 ngày 15/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung 3.2: Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016/HĐTCPT/NHCT400 ngày 20/07/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	176.586.775.395	29.784.715.837	(65.359.725.525)	141.011.765.707
Cộng	<u>176.586.775.395</u>	<u>29.784.715.837</u>	<u>(65.359.725.525)</u>	<u>141.011.765.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích		Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	13.132.164.776	36.186.583.349	559.972.000	(37.385.212.459)	13.993.507.666
Cộng	13.132.164.776	36.186.583.349	559.972.000	(37.385.212.459)	13.993.507.666

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000	-

23c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	57.167.993.000	200.087.975.500

23d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

23e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

24. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.338.996,79	1.069.283,30
Euro (EUR)	38,69	50,43

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hoạt động bán thành phẩm	6.220.326.960.622	6.489.494.320.970
- Doanh thu hoạt động dịch vụ, khác	8.163.496.802	10.955.462.728
Cộng	<u>6.228.490.457.424</u>	<u>6.500.449.783.698</u>

2. Các khoản giảm trừ

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	96.058.578.748	118.560.806.591
Cộng	<u>96.058.578.748</u>	<u>118.560.806.591</u>

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	5.379.626.696.724	5.538.484.483.833
- Giá vốn hoạt động dịch vụ, khác	16.978.438.499	3.651.976.305
Cộng	<u>5.396.605.135.223</u>	<u>5.542.136.460.138</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	5.312.038.411	6.349.723.580
- Khác	2.033.255.528	7.276.890.556
Cộng	<u>7.345.293.939</u>	<u>13.626.614.136</u>

5. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	115.183.617.700	106.835.763.541
- Chiết khấu thanh toán	24.848.185.609	25.356.284.099
- Khác	6.285.378.084	7.103.116.042
Cộng	<u>146.317.181.393</u>	<u>139.295.163.682</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng*Chi tiết gồm:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	20.922.594.374	20.039.857.544
- Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	161.948.497.995	108.878.169.701
- Chi phí vận chuyển	15.751.181.818	7.148.238.000
- Chi phí mua ngoài và bằng tiền khác	151.041.043.722	165.647.055.628
Cộng	<u>349.663.317.909</u>	<u>301.713.320.873</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	61.927.521.014	57.556.554.212
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.638.654.624	5.088.970.679
- Lợi thế thương mại	235.267.569	235.267.569
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	61.618.199.117	56.987.945.883
Cộng	<u>129.419.642.324</u>	<u>119.868.738.343</u>

8. Thu nhập khác*Chi tiết gồm:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	14.017.946.001	13.460.808.906
+ Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	64.691.717.986	28.487.261.818
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	(50.185.060.022)	(15.026.452.912)
+ Chi phí khác phục vụ thanh lý TSCĐ	(488.711.963)	-
- Thu nhập khác	6.270.666.798	8.067.162.773
Cộng	<u>20.288.612.799</u>	<u>21.527.971.679</u>

9. Chi phí khác*Chi tiết gồm:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khác	1.381.662.967	1.618.254.099
Cộng	<u>1.381.662.967</u>	<u>1.618.254.099</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành*Chi tiết gồm:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	37.688.570.255	58.805.551.243
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	4.842.364.350	306.097.258
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>42.530.934.605</u>	<u>59.111.648.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	74.002.541.864	193.313.969.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(7.400.254.186)	(35.186.583.349)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.602.287.678	158.127.386.062
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.165	2.766

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Năm nay.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Năm trước được trình bày lại theo số thực trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của công ty mẹ và của các công ty con.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	74.002.541.864	193.313.969.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(7.400.254.186)	(35.186.583.349)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	66.602.287.678	158.127.386.062
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.165	2.766

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Năm nay.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Năm trước được trình bày lại theo số thực trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của công ty mẹ và của các công ty con.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.864.890.756.983	5.214.891.938.443
- Chi phí nhân công	232.093.488.278	230.944.159.819
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.707.576.388	77.420.662.377
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	590.427.719.946	519.015.457.891
Cộng	5.770.119.541.595	6.042.272.218.530

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ**

Mã số 36. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ	67.967.993.000	200.087.975.500
- Các công ty con đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	39.414.812.080	41.712.854.951
Cộng	107.382.805.080	241.800.830.451

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và thù lao	3.470.971.000	5.336.685.252
Cổ tức đã nhận bằng tiền	183.168.000	641.088.000
Cộng	3.654.139.000	5.977.773.252

2b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty CP Phân bón Bình Điền)

Nội dung giao dịch và số dư:	Năm nay	Năm trước
- Số dư Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu ngắn hạn khác (tại ngày 31/12/2019)	1.116.998.350	- (tại ngày 31/12/2018)
- Số dư Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu dài hạn khác (tại ngày 31/12/2019)	3.737.502.545	3.737.502.545 (tại ngày 31/12/2018)
- Số dư Công ty CP Phân bón Bình Điền phải trả khác (tại ngày 31/12/2019)	-	2.660.000.000 (tại ngày 31/12/2018)
- Công ty CP Phân bón Bình Điền trả cổ tức	37.159.200.000	130.057.200.000
- Công ty CP Phân bón Bình Điền cung cấp dịch vụ	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận*- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón.

*- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**Năm nay*

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.242.062.355.744	890.369.522.932	6.132.431.878.676
Giá vốn hàng bán	4.571.797.878.860	824.807.256.363	5.396.605.135.223
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	670.264.476.884	65.562.266.569	735.826.743.453

Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.461.661.132.757	920.227.844.350	6.381.888.977.107
Giá vốn hàng bán	4.724.985.545.396	817.150.914.742	5.542.136.460.138
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	736.675.587.361	103.076.929.608	839.752.516.969

4. Số liệu so sánh

Tính toán lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu do quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ Kết quả kinh doanh sau thuế của kỳ có sự thay đổi (theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty mẹ và các công ty con) so với số tạm tính.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [2] - [1]
KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.043	2.766	(277)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.043	2.766	(277)

5. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (xem tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.7, V.9, V.11, V.21).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Phó Tổng Giám đốc

được ủy quyền



NGUYỄN MINH SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ HỮU HÌNH						
1. Số dư đầu năm	494.663.577.984	274.000.624.347	42.958.152.088	6.172.791.858	15.152.199.544	832.947.345.821
2. Tăng trong năm	99.928.702.548	49.044.052.167	1.105.000.000	1.168.707.545	119.330.000	151.365.792.260
- Tăng do mua mới	2.054.337.000	2.869.998.100	1.105.000.000	318.176.545	119.330.000	6.466.841.645
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	94.702.486.539	13.974.626.454	-	850.531.000	-	109.527.643.993
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	24.212.050.613	-	-	-	24.212.050.613
- Tăng khác	3.171.879.009	7.987.377.000	-	-	-	11.159.256.009
3. Giảm trong năm	(525.850.000)	(5.202.180.235)	-	-	-	(5.728.030.235)
- Thanh lý, nhượng bán	(525.850.000)	(5.202.180.235)	-	-	-	(5.728.030.235)
4. Số dư cuối năm	594.066.430.532	317.842.496.279	44.063.152.088	7.341.499.403	15.271.529.544	978.585.107.846
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1 Số dư đầu năm	181.509.830.826	144.902.367.837	25.626.233.797	3.831.212.056	4.873.566.913	360.743.211.429
2. Tăng trong năm	43.214.124.406	44.863.367.168	4.485.521.064	927.321.022	2.682.048.073	96.172.381.733
- Khấu hao trong năm	43.214.124.406	28.979.756.567	4.485.521.064	927.321.022	2.682.048.073	80.288.771.132
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	15.883.610.601	-	-	-	15.883.610.601
3. Giảm trong năm	(525.850.000)	(5.202.180.235)	-	-	-	(5.728.030.235)
- Thanh lý, nhượng bán	(525.850.000)	(5.202.180.235)	-	-	-	(5.728.030.235)
4. Số dư cuối năm	224.198.105.232	184.563.554.770	30.111.754.861	4.758.533.078	7.555.614.986	451.187.562.927
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm	313.153.747.158	129.098.256.510	17.331.918.291	2.341.579.802	10.278.632.631	472.204.134.392
2. Tại ngày cuối năm	369.868.325.300	133.278.941.509	13.951.397.227	2.582.966.325	7.715.914.558	527.397.544.919

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

122.112.133.333

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay:

302.522.748.851

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Phó Tổng Giám Đốc

được ủy quyền



NGUYỄN MINH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018							
Tại ngày 01/01/2018	571.679.930.000	15.050.059.200	122.111.329.093	11.927.892.981	253.904.393.401	246.178.995.861	1.220.852.600.536
Tăng trong năm	-	4.590.000.000	46.451.451.814	1.263.940.074	106.782.573.734	37.649.507.384	196.737.473.006
- Lãi trong năm	-	-	-	-	106.782.573.734	37.649.507.384	144.432.081.118
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	46.451.451.814	1.263.940.074	-	-	47.715.391.888
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	4.590.000.000	-	-	-	-	4.590.000.000
Giảm trong năm	-	-	(4.590.000.000)	-	(167.162.365.448)	(50.521.017.281)	(222.273.382.729)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(46.451.451.814)	-	(46.451.451.814)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(1.263.940.074)	-	(1.263.940.074)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(33.694.984.060)	(13.073.345.370)	(46.768.329.430)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(85.751.989.500)	(37.447.671.911)	(123.199.661.411)
- Bổ sung vào vốn góp	-	-	(4.590.000.000)	-	-	-	(4.590.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	571.679.930.000	19.640.059.200	163.972.780.907	13.191.833.055	193.524.601.687	233.307.485.964	1.195.316.690.813
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019							
Tại ngày 01/01/2019	571.679.930.000	19.640.059.200	164.003.584.634	13.191.833.055	164.678.939.727	255.643.986.456	1.188.838.333.072
Tăng trong năm	-	4.590.000.000	22.849.767.099	-	74.002.541.864	25.251.945.859	126.694.254.822
- Lãi trong năm	-	-	-	-	74.002.541.864	25.251.945.859	99.254.487.723
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	22.849.767.099	-	-	-	22.849.767.099
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	4.590.000.000	-	-	-	-	4.590.000.000
Giảm trong năm	-	-	(4.590.000.000)	-	(107.210.311.335)	(50.292.844.193)	(162.093.155.528)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(22.849.767.099)	-	(22.849.767.099)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(24.496.711.236)	(10.689.872.113)	(35.186.583.349)
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả kinh doanh kỳ này	-	-	-	-	(2.500.000.000)	-	(2.500.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(57.167.993.000)	(39.414.812.080)	(96.582.805.080)
- Bổ sung Vốn đầu tư chủ sở hữu	-	-	(4.590.000.000)	-	-	-	(4.590.000.000)
- Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(195.840.000)	(188.160.000)	(384.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	571.679.930.000	24.230.059.200	182.263.351.733	13.191.833.055	131.471.170.256	230.603.088.122	1.153.439.432.366

(*) Chi tiết tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tại ngày 01/01/2019	Lãi/(Lỗ) trong năm	Phân phối lợi nhuận	Tại ngày 31/12/2019
Công ty CP Bình Điền Mê Kông	24.214.034.921	(4.350.922.199)	(217.608.720)	19.645.504.002
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	51.276.237.748	7.857.306.640	(10.307.315.683)	48.826.228.705
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	87.169.816.937	19.122.868.976	(23.618.520.204)	82.674.165.709
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	92.983.896.850	2.622.692.442	(16.149.399.586)	79.457.189.706
Cộng	255.643.986.456	25.251.945.859	(50.292.844.193)	230.603.088.122

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Phó Tổng Giám Đốc



NGUYỄN MINH SƠN